TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 25 - 04 - 2024
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Đạt Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Đỗ Thị Hằng.

Thư ký phiên toà: Bà Phan Lệ Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024, về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1989, vắng mặt;

Cùng nơi ĐKHK thường trú và cư trú: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/04/2018, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau ngày cưới vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không

hợp nhau. Anh T1 không chăm lo cuộc sống vợ con, đi làm về không đưa tiền cho vợ nhưng vì thương con nên chị thông cảm và cho qua nhiều lần. Sau một thời gian dài, anh T1 vẫn không thay đổi tính cách nên hai bên cãi nhau nhiều hơn. Vợ chồng sống mà không có tình cảm với nhau, không hỏi han nhau. Đầu năm 2019 thì hai bên sống ly thân, không quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- Về con: Chị và anh Trần Văn T1 có 02 con chung là: Trần Thị Linh Đ, sinh ngày 02/06/2015 và Trần Lê Ly N, sinh ngày 12/10/2017. Hiện tại chị đang trực tiếp nuôi dưỡng các con. Ly hôn có chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Văn T1, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai gửi Tòa án.

Con chung là cháu Trần Thị Linh Đ có nguyện vọng xin được ở với mẹ, vì mẹ luôn yêu thương quan tâm đến cháu.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1989, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Chị Lê Thị T và và anh Trần Văn T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 11/04/2018. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống bình thường và sinh được 02 người con chung là Trần Thị Linh Đ, sinh ngày 2/06/2015 và Trần Thị Lê N1, sinh ngày 12/10/2017. Sau đó, không biết vì lý do mâu thuẫn gì mà vợ chồng sống ly thân. Chị T về bên ngoại ở, anh T1 ở nhà một mình, rồi đi làm ăn, thỉnh thoảng có về nhà. Hiện tại chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, khỏe mạnh, đi học bình thường. Nay chị Tình yêu c Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- Về con chung: Giao 02 con chung là: Trần Thị Linh Đ, sinh ngày 02/06/2015 và Trần Lê Ly N, sinh ngày 12/10/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 vì chị T không yêu cầu.

- Về tài sản: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn T1 và có nguyện vọng được nuôi con chung. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Trần Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Tòa án đã 02 lần tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Lê Thị T và anh Trần Văn T1. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trần Văn T1 là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, theo chị T do anh T1 thiếu trách nhiệm với vợ con, nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay và hai bên đã cắt đứt mọi quan hệ. Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T1 không đến Tòa án để làm việc, thể hiện anh T1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Văn T1 là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn T1 có 02 con chung là Trần Thị Linh Đ, sinh ngày 02/6/2015 và Trần Lê Ly N, sinh ngày 12/10/2017. Qua xác minh cho thấy, kể từ khi chị T và anh T1 sống ly thân đến nay, các cháu đều ở với chị T khỏe mạnh, đi học bình thường. Cháu Đ có nguyện vọng ở với mẹ. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, chị T có đủ điều kiện để nuôi các con chung ăn học đầy đủ và thực tế từ năm 2019 đến nay các cháu ở với chị T đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị T. Giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1, vì chị T chưa có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Anh T1 chưa có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Khi nào đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Linh Đ, sinh ngày 02/6/2015 và Trần Lê Ly N, sinh ngày 12/10/2017 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn T1 vì chị Lê Thị T chưa yêu cầu.

Anh Trần Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn

đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005397, ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS H.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Tam (nơi ĐKKH 2018);
- Lưu hồ sơ vụ án và VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đạt Nghiệm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thủy Đỗ Thị H **Hồ Đạt Nghiệm**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS H.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Tam (nơi ĐKKH 2018);
- Lưu hồ sơ vụ án và VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đạt Nghiệm